TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7-BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30-3-2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7-BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trần Trường
2. Ông Dương Ngọc Sáng

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Anh Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7-Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2026, Tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7-Bắc Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 115/2025/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7-Bắc Ninh, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị T.T.V, sinh năm 1982 - *Vắng mặt*

Địa chỉ: Tổ dân phố Nguyễn Giáo, phường Đồng Nguyên, tỉnh Bắc Ninh

*** Bị đơn:** Anh N.V.C, sinh năm 1973 - *Vắng mặt*

Địa chỉ: Tổ dân phố Nghĩa Lập 1, phường Phù Khê, tỉnh Bắc Ninh

(Chị V có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị T.T.V trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh N.V.C trước khi đăng ký kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 10/9/2000 tại UBND xã Phù Khê, huyện Từ Sơn (nay là UBND phường Từ Khê), tỉnh Bắc Ninh. Thời gian đầu sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoản năm 2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không

hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, mặc dù sống chung nhà nhưng vợ chồng rất ít và gần như không nói chuyện với nhau, vợ chồng không gây gổ nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện. Đến khoảng tháng 6 năm 2025, do mâu thuẫn trầm trọng nên chị và anh C ly thân, chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đó cho đến nay. Bản thân chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Cường.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống, giữa chị và anh C có 03 con chung là Ngô Thị N.L, sinh ngày 20/11/2003; Ngô Thị K.L, sinh ngày 18/11/2006 và Ngô Đ.H, sinh ngày 17/02/2010. Hiện cháu Ngô Thị N.L và Ngô Thị K.L đã trên 18 tuổi. Khi ly hôn chị đề nghị Toà án giao con chung là Ngô Đ.H, sinh ngày 17/02/2010 cho chị là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Trường hợp anh C có nguyện vọng nuôi con thì chị đồng ý để anh C nuôi cháu Hậu vì hiện nay cháu Hậu đang ở cùng anh C. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về tài sản chung, công nợ chung:* Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh N.V.C đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến làm việc, thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa song anh C đã nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh C từ chối không ký nhận vào biên bản giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án, anh C không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm gì về việc giải quyết vụ án và tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa.

* Theo biên bản làm việc của Tòa án với ông Ngô V.S – bố đẻ anh C, ông Sướng cho biết như sau: Ông là bố đẻ của anh N.V.C, anh C đi làm thường tối muộn mới về đến nhà, anh C đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án giao guwie nhưng do bận công việc nên anh C không đến Tòa án làm việc được. Anh C có cho biết quan điểm là đồng ý ly hôn với chị V vì chị V bỏ nhà đi theo người đàn ông khác từ khoảng tháng 4, tháng 5 năm 2025 đến nay không trở về nhà nữa. Anh chị có 03 con chung, 02 cháu lớn đã trưởng thành, cháu Ngô Đ.H chưa thành niên hiện nay vẫn do anh C nuôi dưỡng, anh C đồng ý nuôi con và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra anh C không có yêu cầu gì, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh C.

* Theo Biên bản xác minh của Tòa án với ông N.V.C, sinh năm 1976 là tổ trưởng tổ dân phố Nghĩa Lập, phường Phù Khê, tỉnh Bắc Ninh, nơi anh C và chị V sinh sống: Anh C và chị V là công dân thuộc địa bàn ông quản lý. Giữa anh C và chị V có xảy ra mâu thuẫn tình cảm, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể ra sao ông không nắm được. Hiện anh chị sống ly thân, chị V chuyển ra ngoài sinh

sống được khoảng 5 tháng. Vợ chồng anh C chị V có 03 con chung, con lớn đã lập gia đình riêng, 02 người con còn lại đang ở cùng anh C, các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang đi học. Nay chị V khởi kiện xin ly hôn địa phương đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

* Quá trình giải quyết vụ án cháu Nguyễn Đ.H trình bày cháu có nguyện vọng được ở cùng bố.

* Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Bắc Ninh đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo thực hiện nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, kiểm sát viên đã phân tích đánh giá thực trạng mâu thuẫn của chị V và anh C đã trầm trọng, vợ chồng ly thân khoảng thời gian dài đến nay vợ chồng không thể chung sống do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị V được ly hôn anh C. Về con chung, giao cháu Nguyễn Đ.H cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung, công nợ chung chị V không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị V phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*. Chị V đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về quyền kháng cáo của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị T.T.V yêu cầu xin ly hôn với anh N.V.C và tranh chấp về nuôi con nên xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con chung là những tranh chấp về hôn nhân gia đình giữa công dân và công dân được pháp luật dân sự điều chỉnh. Do bị đơn anh C cư trú tại TDP Nghĩa Lập 1, phường Phù Khê, tỉnh Bắc Ninh nên Toà án nhân dân khu vực 7-Bắc Ninh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị T.T.V vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh N.V.C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn được UBND xã Phù Khê, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là UBND phường Phù Khê, tỉnh Bắc Ninh) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/9/2000 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua xác minh với chính quyền địa phương nơi chị V và anh C đang sinh sống và với bố đẻ của anh N.V.C thì thấy cuộc sống vợ chồng chị V và anh C có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng ly thân từ tháng 5 năm 2025 cho đến nay. Bản thân chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị kiên quyết yêu cầu ly hôn anh C. Anh C đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt và không gửi đến Toà án văn bản tài liệu gì nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị V thể hiện việc anh cũng không còn thiết tha gì đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị V. Điều này cho thấy tình cảm giữa vợ chồng chị V và anh C đã thật sự rạn nứt, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó chị V yêu cầu xin ly hôn với anh C là có căn cứ nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Xét về con chung: Chị V và anh C có 03 con chung là là Ngô Thị N.L, sinh ngày 20/11/2003; Ngô Thị K.L, sinh ngày 18/11/2006 và Ngô Đ.H, sinh ngày 17/02/2010. Hiện nay cháu lớn N.L đã lập gia đình riêng, cháu K.L đã trưởng thành, cháu Ngô Đ.H đang ở cùng anh C. Khi ly hôn, chị V đề nghị Tòa án giao con chung chưa trưởng thành là Ngô Đ.H cho chị nuôi dưỡng, các con chung Ngô Thị N.L và Ngô Thị K.L đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do cháu Hậu có nguyện vọng được ở cùng anh C, trường hợp anh C có nguyện vọng nuôi cháu Hậu thì chị V đồng ý để anh C nuôi cháu Hậu. Quá trình xác minh với địa phương hiện cháu Ngô Đ.H đang ở cùng anh C, bản thân anh C đi làm đồ gỗ, có thu nhập, mặt khác cháu Ngô Đ.H trình bày ý kiến nguyện vọng muốn được ở cùng với bố. Hội đồng xét xử thấy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt, cũng như để ổn định tâm lí, không gây xáo trộn cuộc sống của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho anh C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Ngô Đ.H, sinh ngày 17/02/2010. Các cháu Ngô Thị N.L và Ngô Thị K.L đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau này, vì quyền lợi của con chung các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[6]. Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị V phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căc cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị T.T.V được ly hôn anh N.V.C.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Đ.H, sinh ngày 17/02/2010 cho anh N.V.C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Các cháu Ngô Thị N.L và Ngô Thị K.L đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Chị T.T.V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị V thực hiện quyền này.

Sau này, vì quyền lợi của con chung các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Án phí sơ thẩm: Chị T.T.V phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị V đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004059 ngày 27/11/2025 tại thi hành án dân sự Bắc Ninh. Xác nhận chị V đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị V có mặt tạo phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 7-Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- UBND phường Phù Khê-Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Thị Thiêm